

PHÒNG GD&ĐT THĂNG BÌNH
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
Số: 44/KH-LQĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Lam, ngày 10 tháng 12 năm 2020

KẾ HOẠCH
Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường
giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước;

- Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Thông tư số 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08/11/2017 quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và cử GV làm tổng phụ trách đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong các cơ sở GDPT công lập;

- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT, ban hành CTGDPT tổng thể và chương trình các môn học, hoạt động giáo dục;

- Văn bản số 03/2017/VBHN-BGDĐT quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

PHẦN A: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trường THCS Lê Quý Đôn được thành lập từ năm học 1977-1978 do tách ra từ Trường cấp 2, 3 Thăng Bình và được nhập vào trường cấp 1 Hà Lam thành trường cấp 1,2 số 1 Bình Nguyên. Thời điểm đó, trường chỉ có 06 phòng học, 01 phòng làm việc của BGH, 01 phòng chung cho bộ phận văn phòng, cấp 2 mới có 13 lớp, 510 học sinh và 19 giáo viên cấp 2, đóng tại điểm trường Tiểu học Lương

Thế Vinh bây giờ. Đến năm học 1987-1988, trường chính thức mang tên nhà Bác học Lê Quý Đôn.

- Từ năm 1978 đến 1981, có từ 15 đến 19 lớp cấp 2 với số lượng học sinh cao nhất 803 học sinh và 28 giáo viên trực tiếp giảng dạy.

- Từ năm 1981 đến 1987, trường được mang tên trường cấp 1,2 Hà Lam. Trường có từ 19 đến 24 lớp cấp 2, năm có số lượng học sinh cao nhất 1196 học sinh và 34 giáo viên. Đến năm học 1985-1986 trường được tách riêng thành trường cấp 2 Hà Lam 1.

- Từ năm 1987 đến 2007, trường chính thức được mang tên Trường THCS Lê Quý Đôn. Trường có từ 38 đến 42 lớp, năm có số lượng HS cao nhất 1800 học sinh và 75 giáo viên trực tiếp giảng dạy.

- Hiện nay trường có 31 lớp, với 1272 học sinh.

- Trường đã đạt chuẩn quốc gia giai đoạn I (2001 – 2010) vào năm 2004, Giai đoạn II (2011 – 2015) vào năm 2012 và lần thứ 3 mức độ 2 vào tháng 11/2019.

- Trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 năm 2012 và năm 2019.

Trường THCS Lê Quý Đôn xác định phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 nhằm định hướng phát triển, xác định mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển của nhà trường để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và đổi mới, phát triển của đất nước.

I. Môi trường bên trong

1. Quy mô trường, lớp học.

+ Năm 2020-2021 trường có 31 lớp. Số học sinh 1272 em; trong đó khối 6: 9 lớp, 349 học sinh, khối 7: 8 lớp: 338 học sinh, khối 8: 7 lớp, 298 học sinh, khối 9: 7 lớp, 287 học sinh. Các năm tiếp ổn định từ 31 lớp trở lên.

2. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2020--2021

Tổng số CBQL, GV, NV: 65

Về cơ cấu, số lượng:

Số cán bộ quản lý: 02

Tổng phụ trách Đội: 01

Giáo viên: 57

Nhân viên: 05

Cụ thể:

Số lượng	Hiện có	Yêu cầu của CTGDPT 2018
----------	---------	-------------------------

Đội ngũ		Thừa	Thiếu	Cần bổ sung
Cán bộ quản lý	02		1	1
Tổng phụ trách Đội TNTPHCM/ Bí thư Đoàn TNCS HCM	01			
Giáo viên:	58			
1. Ngữ văn	10			
2. Toán	10			
3. Ngoại ngữ 1	7			
4. Giáo dục công dân	0			
5. Lịch sử và địa lí	6		1	1
6. Khoa học Tự nhiên	14	1	1	1
7. Công nghệ	0			
8. Tin học	2			
9. Giáo dục thể chất	4			
10. Nghệ thuật	4			
11. Tiếng Dân tộc thiểu số	0			
12. Ngoại ngữ 2	0			
Nhân viên	4			
a) Thư viện	1			
b) Thiết bị, thí nghiệm	0		1	1
c) Công nghệ thông tin	0			
d) Kế toán	1			
đ) Thủ quỹ	0			
e) Văn thư	1			
g) Y tế	1			
h) Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0			
i) Giáo vụ	0			
Tổng	65	1	4	4

- Trình độ CBGV theo luật giáo dục 2019: trên chuẩn giáo viên: 01/60 tỉ lệ 1,7%, đạt chuẩn kể cả TPTĐ: 46/60, đạt tỉ lệ 76,7 % , chưa đạt chuẩn 13/60. Tỉ lệ 21,6%.

- Tỉ lệ giáo viên trên lớp (Không tính TPTĐ) là: 1,84 (57gv/31 lớp).

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên: Nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

3. Chất lượng giáo dục toàn diện:

- Chất lượng bài kiểm tra học kỳ II, năm học 2019-2020 môn Toán; Văn, Tiếng Anh 6,7,8,9 (*Đề của Sở GDĐT*) tính từ điểm 5,0 trở lên, so với mặt bằng chung toàn huyện.

Khối 6:

	Toán	Văn	Tiếng Anh	Ghi chú
Trường	261/76,76%	293/86,18%	277/81,47%	
Phòng GD-ĐT	1658/65,79%	2104/83,49%	1839/72,97%	
So sánh với PGD	+10,97	+2,69	+8,50	

Khối 7

	Toán	Văn	Tiếng Anh	Ghi chú
Trường	254/84,11%	227/75,17%	255/84,44%	
Phòng GD-ĐT	1884/78,07%	1898/78,65%	1911/79,19%	
So sánh với PGD	+6,04	-3,48	+5,25	

Khối 8

	Toán	Văn	Tiếng Anh	Ghi chú
Trường	253/87,24%	241/83,10%	264/91,03%	
Phòng GD-ĐT	1852/84,45%	1850/80,36%	1421/61,72%	
So sánh với PGD	+2,79	+2,74	+29,31	

Khối 9

	Toán	Văn	Tiếng Anh	Ghi chú
Trường	253/87,85%	263/91,32%	271/94,10%	
Phòng GD-ĐT	1958/80,24%	2124/87,04%	1870/76,63%	
So sánh với PGD	+7,61	+4,28	+17,47	

- Chất lượng hai mặt giáo dục cuối năm học 2019-2020. (*So với chất lượng toàn Huyện*)

	Hạng kiểm (Tốt và khá)	Học lực		Ghi chú
		Giỏi và khá	TB trở lên	
Trường	1220(100%)	884(72,46%)	1207(98,93%)	
Phòng GD-ĐT	99,87%	64,13%	98,06%	
So sánh với PGD	+0,13	+8,33%	+0,87%	

4. Về cơ sở vật chất:

* Tổng số phòng hiện có: 45 phòng ; trong đó:

- Phòng học: 28 phòng.
- Phòng khác: 17, chia ra:
 - + Phòng bộ môn Vật lý: 01
 - + Phòng bộ môn Sinh: 01
 - + Phòng nhạc: 01
 - + Phòng thư viện: 01
 - + Phòng Hiệu trưởng: 01
 - + Phòng Văn thư: 01
 - + Phòng Công đoàn: 01
 - + Phòng bộ môn Hóa: 01
 - + Phòng dạy vi tính: 03
 - + Phòng thiết bị dùng chung: 01
 - + Phòng đọc: 02 (01 HS, 01 GV)
 - + Phòng Phó Hiệu trưởng: 01
 - + Phòng Y tế học đường: 01
 - + Phòng Đoàn-Đội: 01

Cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu dạy và học trong giai đoạn hiện tại.

5. Nhận định về điểm mạnh, điểm yếu và hướng khắc phục

5.1. Những điểm mạnh

5.1.1. Về đội ngũ giáo viên

- Trường có tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn 100% (trình độ từ cao đẳng trở lên), giáo viên nhiệt tình, có tâm huyết với nghề dạy học với ý thức làm việc tự giác, có tinh thần khắc phục khó khăn, yêu thương đoàn kết. Đội ngũ giáo viên phần lớn được địa phương hoá, an tâm với nghề nghiệp, chu đáo.

- Trường có 1 cán bộ quản lý và 3 giáo viên là giáo viên cốt cán của Phòng GD&ĐT (ở các bộ môn Lịch sử, Địa Lý, Nhạc).

- Đa số giáo viên được tiếp cận với các kỹ thuật dạy học tích cực, đổi mới kiểm tra đánh giá và thành thạo việc ứng dụng công nghệ thông tin công tác giảng dạy.

- Đội ngũ giáo viên của nhà trường vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình tâm huyết với nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, tập thể nhà trường là một khối đoàn kết luôn giúp nhau trong cuộc sống cũng như trong công việc. Có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp huyện, chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, chiến sĩ thi đua cơ sở, bằng khen, giấy khen các cấp.

5.1.2. Về đội ngũ nhân viên

- Có 4 nhân viên biên chế đạt chuẩn đào tạo đảm bảo các vị trí việc làm: Văn thư, kế toán, thư viện, y tế, thủ quỹ và 1 hợp đồng theo bảo vệ Nghị định 68/2000/NĐ-CP. Trường sử dụng giáo viên bộ môn phụ trách thí nghiệm thiết bị, phòng bộ môn.

- Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc.

5.1.3. Về Cán bộ quản lý

- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có uy tín, có trình độ, có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý vững vàng, đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy

định.

- Cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, năng động, sáng tạo, luôn đi đầu trong đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo các hoạt động giáo dục trong nhà trường để đạt kết quả tốt được các cấp lãnh đạo tin tưởng, phụ huynh, đồng nghiệp, học sinh, quần chúng nhân dân tin yêu.

5.2. Những điểm hạn chế

- Tổ chức quản lý của Hiệu trưởng

+ Chưa được chủ động tuyển chọn cán bộ, giáo viên nên còn thụ động trong phân công, bố trí công tác chưa hợp lý.

+ Điều kiện về nguồn lực chưa đảm bảo cho mọi hoạt động.

+ Đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên còn mang tính động viên, chưa thực chất, do khách quan nên phân công công tác chưa phù hợp với năng lực, trình độ, khả năng của một số giáo viên.

- **Đội ngũ giáo viên, nhân viên:** Một vài giáo viên lớn tuổi tiếp cận việc đổi mới và ứng dụng CNTT còn hạn chế. Thiếu nhân viên phụ trách công nghệ thông tin.

- **Chất lượng học sinh:** Chất lượng học sinh trung bình trở lên còn thấp, tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng chưa được ngăn chặn triệt để.

- **Cơ sở vật chất:** Chưa đồng bộ, thiếu hiện đại, còn thiếu phương tiện dạy học bằng CNTT, chưa xây dựng được phòng học tiếng Anh, phòng học Nhạc, phòng dạy Mỹ thuật.

II. Môi trường bên ngoài

1. Thời cơ

Được sự quan tâm của Đảng uỷ, HĐND, UBND và các ban ngành, đoàn thể thị trấn.

Được cha mẹ học sinh và học sinh tin nhiệm, hỗ trợ, tạo mọi điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên đoàn kết, nhiệt tình, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng chuyên môn sư phạm khá, tốt.

2. Thách thức

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa quy mô, hiện đại, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu dạy học.

- Mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục và ý thức, động cơ học tập; sự quan tâm của cha mẹ học sinh, của xã hội trong thời kỳ hội nhập, công nghiệp 4.0.

- Chất lượng của một số giáo viên, nhân viên chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Các tệ nạn xã hội, đạo đức của một bộ phận thanh thiếu niên ở địa phương ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giáo dục của nhà trường.

3. Xác định các vấn đề ưu tiên

- Đẩy mạnh công tác Phổ cập trung học cơ sở trên cơ sở đảm bảo chất lượng giáo dục; trước mắt chống học sinh bỏ học, tập trung phụ đạo học sinh yếu kém. Tăng cường công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu. Phần đầu đạt được trường có chất lượng cao, trọng điểm của huyện.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ Tâm và Tầm để thực hiện nhiệm vụ trong việc thực hiện đổi mới nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong dạy - học và công tác quản lý để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác.

- Từng bước xây dựng, nâng cấp, tu sửa CSVC và mua sắm mới các trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu giáo dục.

- Đổi mới công tác quản lý trên cơ sở các yêu cầu của các chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục.

- Xây dựng văn hoá nhà trường, tạo dựng môi trường thân thiện.

PHẦN B: ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng và hiệu quả cao trong giáo dục.

2. Tầm nhìn

Sự nỗ lực vươn lên đạt trường chất lượng cao trọng điểm của huyện nhà và ngang tầm khu vực, nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia và đạt kiểm định chất lượng để có cơ hội cho học sinh học tập tốt nhất.

3. Các giá trị cốt lõi

- Tinh thần đoàn kết
- Dân chủ
- Kỷ cương
- Tinh thần trách nhiệm
- Hợp tác
- Lòng tự trọng
- Tình nhân ái
- Sáng tạo

4. Phương châm hành động

“Chất lượng giáo dục là uy tín của nhà trường”

PHẦN C: MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Phấn đấu năm học 2021-2022 Trường THCS Lê Quý Đôn trở thành trường chất lượng cao, thương hiệu của ngành giáo dục huyện nhà và khu vực đồng bằng, thị xã, thành phố của tỉnh.

2. Các mục tiêu cụ thể

+ Mục tiêu trung hạn: Giai đoạn 2020-2025, Đạt thương hiệu trường có chất lượng cao, trọng điểm của huyện.

+ Mục tiêu dài hạn: Đến năm 2030, Trường THCS Lê Quý Đôn phấn đấu đạt thương hiệu trường lá cờ dẫn đầu thi đua cụm của tỉnh và đạt được các mục tiêu sau:

- Chất lượng giáo dục được khẳng định.
- Trường có nề nếp dạy và học tốt.
- Đạt thương hiệu trường trọng điểm, chất lượng cao của huyện và khu vực.

3. Các chỉ tiêu:

3.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và công nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 95%.

- Giáo viên nam dưới 50 tuổi, nữ dưới 45 tuổi sử dụng thành thạo máy tính và có trình độ căn bản ngoại ngữ.

- Có từ 20-30% số tiết dạy sử dụng công nghệ thông tin.

3.2. Học sinh

- Qui mô:

+ Năm 2020-2021 vẫn đảm bảo 31 lớp. Số học sinh 1272 em. Các năm tiếp ổn định từ 31 lớp trở lên.

- Chất lượng học tập:

+ Trên 65% học lực khá, giỏi (25- 30% học lực giỏi)

+ Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng trên 97% ; không có học sinh xếp loại học lực kém.

+ Xét TN THCS đạt 100%.

+ Tuyển sinh lớp 10 trên mặt bằng huyện ít nhất 3%.

+ Thi học sinh giỏi văn hóa: Dẫn đầu cấp huyện, tỉ lệ đạt giải cấp tỉnh chiếm ít nhất 20%.

- Chất lượng GDTC, năng khiếu:

- + Dẫn đầu cấp huyện, tỉ lệ đạt giải cấp tỉnh chiếm ít nhất 20%.
- Chất lượng đạo đức, kỹ năng sống:
- + Chất lượng đạo đức: trên 98% hạnh kiểm khá, tốt.
- + Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội.

3.3. Cơ sở vật chất

- Phòng học, phòng làm việc, phòng phục vụ được sửa chữa nâng cấp, trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn.
- Các phòng tin học, thực hành thí nghiệm, phòng chức năng được trang bị nâng cấp theo hướng hiện đại.
- Nâng cấp các phòng bộ môn, các phòng thực hành thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ đúng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 18/2018/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
- Xây dựng môi trường sư phạm đảm bảo các tiêu chí “Sáng-Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn”.

PHẦN D: CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Các giải pháp chung

- Tuyên truyền trong CBGVNV và học sinh về nội dung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trên mọi phương tiện thông tin, lấy ý kiến để thống nhất nhận thức và hành động của tất cả các cán bộ, nhân viên trong trường theo các nội dung của kế hoạch chiến lược. Phát huy truyền thống đoàn kết, nhất trí của toàn trường để quyết tâm thực hiện được các mục tiêu của kế hoạch chiến lược.

- Xây dựng văn hoá nhà trường hướng tới các giá trị cốt lõi đã nêu ở trên.
- Tăng cường gắn kết có hiệu quả giữa nhà trường với các cơ quan, đoàn thể.

2. Các giải pháp cụ thể

a. Thể chế và chính sách

- Xây dựng cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng phát huy nội lực, khuyến khích phát triển cá nhân và tăng cường hợp tác với bên ngoài.

- Hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về mọi hoạt động trong trường học mang tính đặc thù của trường đảm bảo sự thống nhất.

b. Tổ chức bộ máy

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí lao động hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của từng CBGVNV phù hợp với yêu cầu giảng dạy.

- Thực hiện phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền chủ động cho các tổ chuyên môn.

c. Công tác đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên theo hướng sử dụng tốt đội ngũ hiện có, đáp ứng được yêu cầu của công việc.

- Định kỳ đánh giá chất lượng hoạt động của cán bộ giáo viên thông qua các tiêu chí về hiệu quả, đóng góp cụ thể của cán bộ giáo viên đối với sự phát triển của nhà trường. Trên cơ sở đó sẽ đề bạt, khen thưởng xứng đáng đối với những cán bộ giáo viên nhân viên có thành tích xuất sắc.

- Đầu tư có trọng điểm để phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên cốt cán, cán bộ, giáo viên trẻ, có tài năng bố trí vào các vị trí chủ chốt của nhà trường.

- Tạo môi trường làm việc năng động, thi đua lành mạnh, đề cao tinh thần hợp tác và chia sẻ với những điều kiện làm việc tốt nhất để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên đều tự hào, muốn cống hiến và gắn kết với nhà trường.

d. Nâng cao chất lượng giáo dục

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

- Định kỳ rà soát, đổi mới, kiểm định chất lượng chương trình giáo dục, nội dung và phương pháp giảng dạy theo xu hướng linh hoạt, hiện đại phù hợp với đổi mới giáo dục.

- Thực hiện tốt việc tự đánh giá chất lượng giáo dục THCS.

e. Cơ sở vật chất

- Tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng các phòng bộ môn, phòng thực hành thí nghiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn về cơ sở vật chất của trường chuẩn quốc gia.

- Đầu tư có trọng điểm để hiện đại hoá các phòng học, các phòng học bộ môn, khu làm việc của giáo viên, khu vui chơi thể dục thể thao của HS.

- Tiếp tục đầu tư máy tính, ti vi dạy học và các thiết bị đảm bảo cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng mạng thông tin quản lý giữa giáo viên, các tổ chuyên môn với nhà trường.

f. Kế hoạch - tài chính

- Xây dựng kế hoạch hàng năm của từng tổ chuyên môn và nhà trường.
- Xây dựng cơ chế tài chính theo hướng tự chủ hoạch toán và minh bạch các nguồn thu, chi.

- Phối hợp với hội cha mẹ học sinh để tăng cường hỗ trợ đóng góp của phụ huynh học sinh.

- Tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà trường.

- Tham mưu nâng cấp các phòng học bộ môn và các phòng chức năng.

g. Chương trình truyền thông, phát triển và quảng bá thương hiệu

- Hiện đại và khai thác có hiệu quả website của trường. Cung cấp các thông tin về hoạt động giáo dục của trường qua các hội thảo, diễn đàn trao đổi, sách, báo, các tạp chí... Khuyến khích giáo viên tham gia tích cực vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng và của ngành.

- Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường. Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ giáo viên, nhân viên.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phát huy truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

PHẦN E: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược

Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, CMHS, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Tổ chức: Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch. Điều chỉnh kế hoạch sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

3. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

- Giai đoạn 1: Từ năm 2020 – 2025: Đạt thương hiệu trường có chất lượng cao, trọng điểm của huyện.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2025 – 2030: Đạt thương hiệu trường lá cờ dẫn đầu thi đua cụm của tỉnh.

4. Đối với Hiệu trưởng

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học. Cụ thể:

- Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch chiến lược chung cho toàn trường.
- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược.
- Tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch hành động hàng năm của toàn trường và thực hiện kế hoạch chiến lược của nhà trường theo từng giai đoạn phát triển.

5. Đối với phó hiệu trưởng

Thực hiện nhiệm vụ được phân công theo điều lệ trường THCS, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đặc biệt là chất lượng các đội tuyển học sinh giỏi.

6. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể (từng năm) trong đó mỗi hoạt động cần nêu rõ mục tiêu cần đạt, kết quả, hiệu quả, tác động, thời gian thực hiện, các nguồn lực thực hiện, người chịu trách nhiệm.
- Tổ chức và phân công thực hiện hợp lý cho các bộ phận, cá nhân phù hợp với trách nhiệm, quyền hạn theo điều lệ trường THCS.
- Chủ động xây dựng các dự án phát triển của tổ chuyên môn, các tổ chức trong nhà trường.

7. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên

Căn cứ kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

8. Đối với học sinh

Không ngừng học tập, tích cực tham gia hoạt động để sau khi tốt nghiệp THCS có kiến thức, kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu xã hội, tiếp tục học lên trung học phổ thông hoặc học nghề.

Ra sức rèn luyện đạo đức để trở thành những người công dân tốt có ích cho xã hội.

9. Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất, cùng với nhà trường tuyên truyền vận động các bậc phụ huynh thực hiện một số mục tiêu của kế hoạch chiến lược.

- Tăng cường giáo dục gia đình, vận động cha mẹ học sinh quan tâm đúng mức đối với con em, tránh “khoán trắng” cho nhà trường.

10. Các tổ chức Đoàn thể trong trường

- Hàng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan trong vấn đề thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

- Tuyên truyền, vận động mọi thành viên của tổ chức mình thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trên, góp ý với nhà trường điều chỉnh, bổ sung những nội dung phù hợp để có thể thực hiện tốt kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường.

PHẦN G: KIẾN NGHỊ - ĐỀ XUẤT

1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thăng Bình:

+ Phê duyệt Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho trường để thực hiện nội dung theo đúng kế hoạch và các hoạt động hoạt động nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển.

+ Hỗ trợ, hướng dẫn về cơ chế chính sách, tài chính và nhân lực để thực hiện các mục tiêu của kế hoạch chiến lược.

2. Đối với chính quyền địa phương thị trấn Hà Lam, UBND huyện Thăng Bình:

Hỗ trợ nguồn lực tài chính hoạt động và đầu tư xây dựng trường lớp cho nhà trường để thực hiện kế hoạch chiến lược đã đề ra.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Hồ Quang Tiến

**PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
CỦA PHÒNG GD&ĐT THĂNG BÌNH
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
(Đã ký)**

Nguyễn Trường Quyền